

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Trà Vinh  
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ, ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch - Luật số 28/2018/QH14 ngày 15 tháng 6 năm 2018;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Pháp lệnh số 01/2018/UBTVQH14 ngày 22 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Pháp lệnh có liên quan đến quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2019/NQ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch năm 2017;*

*Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch năm 2017;*

*Căn cứ Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về việc ban hành Danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch;*

*Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh tại Tờ trình số 1474/TTr-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2020 về việc phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm định*

số 2185/BC-HĐTĐ ngày 03 tháng 4 năm 2020 của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh và Báo cáo số 248/BC-SKHĐT ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh về việc tiếp thu, giải trình ý kiến của Hội đồng thẩm định.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với các nội dung sau:**

### **I. TÊN QUY HOẠCH**

Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

### **II. PHẠM VI, THỜI KỲ QUY HOẠCH**

1. Phạm vi quy hoạch: Phần lãnh thổ tỉnh Trà Vinh với tổng diện tích tự nhiên là 2.385,2 km<sup>2</sup>.

- Phía Bắc: tiếp giáp với tỉnh Bến Tre (được ngăn cách bởi sông Cổ Chiên, một nhánh của sông Tiền);

- Phía Tây Nam: tiếp giáp với tỉnh Sóc Trăng và thành phố Cần Thơ (qua ranh giới sông Hậu);

- Phía Tây: tiếp giáp với tỉnh Vĩnh Long;

- Phía Đông: tiếp giáp với biển Đông (có đường bờ biển dài 65km).

Có tọa độ địa lý: từ 9°31'46" đến 10°4'5" vĩ độ Bắc và từ 105°57'16" đến 106°36'04" kinh độ Đông. Phần không gian biển được xác định theo Luật Biển Việt Nam.

2. Thời kỳ Quy hoạch:

- Thời kỳ Quy hoạch: 2021 - 2030.

- Tầm nhìn dài hạn: Đến năm 2050.

### **III. QUAN ĐIỂM, NGUYÊN TẮC VÀ MỤC TIÊU LẬP QUY HOẠCH**

1. Quan điểm, nguyên tắc:

a) Việc lập “Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050” phải phù hợp, thống nhất, đồng bộ với mục tiêu, định hướng của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2021 – 2030), Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2021 – 2025) của cả nước; chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững; các điều ước quốc tế mà Việt Nam là nước thành viên. Đánh giá đúng thực trạng, dự báo được xu hướng phát triển để khai thác có

hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của các địa phương, phù hợp với khả năng cân đối, huy động mọi nguồn lực trên tất cả các lĩnh vực trên địa bàn;

b) Bảo đảm các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động quy hoạch quy định tại Điều 4 Luật Quy hoạch năm 2017; sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa, ổn định, thứ bậc trong hệ thống quy hoạch quốc gia; tính khả thi, khoa học, khách quan, công khai, minh bạch; bảo đảm hài hòa lợi ích của quốc gia, các vùng, các địa phương và lợi ích của người dân theo quy định; ứng dụng công nghệ hiện đại, kết nối liên thông, tiết kiệm, hiệu quả;

c) Kết hợp chặt chẽ giữa quản lý ngành với quản lý lãnh thổ; giữa phát triển kinh tế với đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, nâng cao mức sống vật chất, thụ hưởng văn hóa, tinh thần của người dân; chủ động hội nhập, hợp tác quốc tế; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp; tăng cường quốc phòng, ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, giữ vững chủ quyền quốc gia.

## 2. Mục tiêu:

a) Nhằm cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng ở cấp tỉnh về không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, hệ thống đô thị và phân bố dân cư nông thôn, kết cấu hạ tầng, phân bổ đất đai, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường thích ứng với biến đổi khí hậu, kết nối quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn;

b) Đưa ra các quan điểm phát triển, thiết lập tầm nhìn và xác định các mục tiêu phát triển tổng quát, mục tiêu cụ thể; danh mục các dự án, thứ tự ưu tiên, các giải pháp và nguồn lực thực hiện Quy hoạch;

c) Làm căn cứ pháp lý quan trọng phục vụ công tác quản lý, điều hành của chính quyền các cấp; là cơ sở lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn, lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị - nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành trên địa bàn.

d) Các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh do tỉnh xây dựng phải bảo đảm tính cụ thể, khả thi và tiến độ thực hiện theo chủ trương, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước.

## IV. NỘI DUNG CỦA QUY HOẠCH

### 1. Yêu cầu về nội dung lập Quy hoạch

a) Định hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bố nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội phải đồng bộ với quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững trên cả 3 trụ cột: Kinh tế, xã hội và môi trường; phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế, các cam kết trong các điều ước quốc tế đa phương và song phương mà Việt Nam là thành viên;

b) Đảm bảo tính liên kết, đồng bộ, khai thác và sử dụng hiệu quả hệ thống kết

cầu hạ tầng hiện có giữa các ngành và các vùng liên huyện, các địa phương trên địa bàn tỉnh; xác định cụ thể các khu vực sử dụng cho mục đích quân sự, quốc phòng, an ninh ở cấp tỉnh, liên huyện và định hướng bố trí trên địa bàn cấp huyện;

c) Xây dựng và cụ thể hóa các quan điểm chỉ đạo về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội; chú trọng phát triển các khu vực có điều kiện khó khăn và đảm bảo sinh kế bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân; phân bổ, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên gắn với bảo tồn các giá trị lịch sử - văn hóa, di sản thiên nhiên cho các thế hệ hiện tại và tương lai;

d) Ứng dụng công nghệ hiện đại, số hóa, thông tin, cơ sở dữ liệu trong quá trình lập Quy hoạch; đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật và phù hợp với yêu cầu phát triển, hội nhập quốc tế và liên kết vùng.

## 2. Xác định nội dung Quy hoạch

Nội dung Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải thực hiện theo đúng các quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch năm 2017 và Điều 28 Nghị định số 37/2019/NQ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh Trà Vinh.

b) Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn.

c) Đánh giá về việc thực hiện Quy hoạch thời kỳ trước.

d) Xây dựng quan điểm, xác định mục tiêu và lựa chọn các phương án phát triển, phương án quy hoạch, phương hướng phát triển các ngành quan trọng và phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn Tỉnh:

- Xây dựng quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển tỉnh.

- Xác định phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng và lựa chọn các phương án:

+ Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội;

+ Phương án quy hoạch và phát triển hệ thống đô thị, nông thôn, các khu vực và khu chức năng; phương án tổ chức lãnh thổ và phân bố dân cư (thực hiện theo đúng quy định tại Điểm d, Khoản 2, Điều 27 Luật Quy hoạch năm 2017).

+ Phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội ((thực hiện theo đúng quy định tại các Điểm đ, e, g, h, i, k, Khoản 2, Điều 27 Luật Quy hoạch năm 2017).

+ Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.

+ Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện.

+ Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng hóa sinh học trên địa bàn tỉnh.

+ Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn tỉnh.

+ Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

+ Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

+ Danh mục dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện.

+ Hệ thống các giải pháp, nhiệm vụ và nguồn lực thực hiện quy hoạch.

đ) Một số nội dung đề xuất nghiên cứu:

Nội dung đề xuất nghiên cứu để đưa vào quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải có đầy đủ cơ sở khoa học, phù hợp với thực tiễn, xuất phát từ nhu cầu phát triển và yêu cầu quản lý Nhà nước tại địa phương theo đúng quy định của pháp luật.

## **V. PHƯƠNG PHÁP LẬP QUY HOẠCH**

### **1. Yêu cầu về phương pháp lập quy hoạch**

Hệ thống các phương pháp lập Quy hoạch phải đảm bảo tính tiếp cận tổng hợp, đa chiều, đa lĩnh vực; tiếp cận tổng thể, liên ngành, liên vùng; tiếp cận tích hợp, lồng ghép; tiếp cận dựa trên nguyên tắc thị trường, khoa học, phù hợp, thực tiễn và ứng dụng công nghệ hiện đại.

### **2. Các phương pháp lập Quy hoạch**

- Phương pháp thống kê.

- Phương pháp tích hợp quy hoạch.

- Phương pháp so sánh đối chiếu, lồng ghép bản đồ với việc áp dụng công nghệ thông tin, hệ thống thông tin địa lý (GIS).

- Dự báo phát triển và quy hoạch chiến lược.

- Phân tích hệ thống, so sánh, tổng hợp, mô hình tối ưu.

- Chuyên gia, hội nghị, hội thảo.

- Tiếp cận từ thực địa.

- Nghiên cứu tại bàn.

- Các phương pháp khác phù hợp với quy trình kỹ thuật lập quy hoạch tỉnh.

## VI. THÀNH PHẦN, CHI PHÍ, TIẾN ĐỘ LẬP QUY HOẠCH

### 1. Thành phần hồ sơ

#### a) Phần văn bản:

- Tờ trình thẩm định và phê duyệt Quy hoạch, dự thảo văn bản phê duyệt Quy hoạch.

- Báo cáo Quy hoạch và các báo cáo liên quan kèm theo hệ thống sơ đồ, bản đồ.

- Các phụ lục và văn bản pháp lý liên quan.

- Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường).

#### b) Bản đồ và sơ đồ phân tích:

- Bản đồ in tỷ lệ 1:250.000 - 1:1.000.000: Bản đồ vị trí và các mối quan hệ của tỉnh Trà Vinh.

- Bản đồ số và bản đồ in, tỷ lệ 1:25.000 - 1:100.000:

+ Các bản đồ về hiện trạng phát triển.

+ Bản đồ đánh giá tổng hợp đất đai theo các mục đích sử dụng.

+ Bản đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn.

+ Bản đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng.

+ Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội.

+ Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật.

+ Bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất.

+ Bản đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên.

+ Bản đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu.

+ Bản đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện.

+ Bản đồ vị trí các dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện.

+ Một số bản đồ chuyên đề khác.

- Các sơ đồ nghiên cứu phân tích quy hoạch.

#### c) Cơ sở dữ liệu Quy hoạch.

2. Chi phí lập Quy hoạch: Thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Tiến độ lập Quy hoạch: 18 tháng kể từ khi nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh căn cứ nội dung nhiệm vụ được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này, tổ chức lập Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 bảo đảm phù hợp quy định của Luật Quy hoạch và các quy định hiện hành, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình lập Quy hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh chủ động phối hợp, cập nhật thông tin với quy hoạch cấp cao hơn để điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tiễn, tính thống nhất, đồng bộ giữa các cấp quy hoạch theo quy định tại Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch năm 2017 và quy định pháp luật liên quan.

Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh bố trí ngân sách địa phương (nguồn vốn đầu tư công) để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch.

2. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành, cơ quan liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ được giao và quy định hiện hành hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh triển khai thực hiện lập Quy hoạch.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Tỉnh ủy, HĐND tỉnh Trà Vinh;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý, Thư ký TTgCP và các PTTgCP, các Vụ, Cục, TGD Công TTĐT;
- Lưu: VT, QHĐP (3) ThTùng. 12



KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trịnh Đình Dũng